

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Chí
- Ông Nguyễn Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2020, theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 102/2020, đăng ký ngày 30/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng bà thuê nhà trọ ở xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để sống và đi làm. Đến năm 2020 vợ chồng mua đất, cất nhà sinh sống tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã P, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không còn cùng quan điểm sống, tính cách nên thường xảy ra cãi nhau, bên cạnh đó ông T không làm tròn trách nhiệm trong việc chăm lo cho gia đình. Bà thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng nghiêm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: Bà và

ông T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/7/1998, Phạm Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 24/02/2004 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 18/3/2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Ngọc D, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Còn 02 con chung Nguyễn Thị Hồng N và Phạm Nguyễn Thị Hồng G đã thành niên, bà không yêu cầu gì. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Phạm Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2020, đúng với quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhằm tạo điều kiện cho bà P và ông T tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà P. Còn bà P kiên quyết ly hôn với ông T. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P đối với ông T.

[4] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Thanh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/7/1998, Phạm Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 24/02/2004 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 18/3/2009. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc D, ông T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà P. Xét thấy, con chung Phạm Ngọc D đang sống với bà P, được bà P chăm sóc và có cuộc sống ổn định, đồng thời con chung Phạm Ngọc D có nguyện vọng muốn được sống với bà P. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho bà P được quyền trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc D. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà P tự nguyện không yêu cầu ông T

cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng N và Phạm Nguyễn Thị Hồng G đều đã thành niên, bà P và ông T không có yêu cầu gì nên không xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho bà Phạm Thị P trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc D, sinh ngày 18/3/2009. Bà Phạm Thị P không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; Cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con chung Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/7/1998 và Phạm Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 24/02/2004, đều đã thành niên, Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008573 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

